

PHỤ LỤC 2

BIỂU PHÍ BẢO HIỂM VẬT CHẤT XE CƠ GIỚI

(Được phê chuẩn kèm theo Công văn số 14570/BTC-QLBH ngày 22/11/2018 của Bộ Tài Chính và ban hành theo Quyết định số 001/2019/QĐ-VASS/TGD ngày 02.1.2019 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông)

1. Biểu phí cơ bản (đã bao gồm VAT)

STT	Loại/dòng xe ô tô	Thời gian sử dụng xe ô tô			
		Dưới 3 năm	Từ 3 năm đến dưới 6 năm	Từ 6 năm đến dưới 10 năm	Từ 10 năm trở lên
I	Xe chở hàng				
1	Rơ moóc	1,1%	1,3%	1,5%	1,8%
2	Xe kinh doanh vận tải hàng hóa;	2,0%	2,2%	2,4%	2,6%
	Xe tải trên 10 tấn	2,0%	2,2%	2,4%	2,6%
3	Xe đầu kéo	2,8%	2,9%	3,1%	3,5%
	Xe đông lạnh trên 3,5 tấn	2,8%	2,9%	3,1%	3,5%
	Xe tải hoạt động trong vùng khai thác khoáng sản	2,8%	2,9%	3,1%	3,5%
4	Xe chở hàng còn lại	1,7%	1,8%	2,0%	2,2%
	KKD chở hàng	1,7%	1,8%	2,0%	2,2%
	Tải Ben	1,7%	1,8%	2,0%	2,2%
	Xe đông lạnh từ dưới 3,5 tấn	1,7%	1,8%	2,0%	2,2%
II	Xe chở người				
1	Xe không kinh doanh	1,7%	1,8%	2,0%	2,2%
	Xe bus	1,7%	1,8%	2,0%	2,2%
	Xe tập lái	1,7%	1,8%	2,0%	2,2%
	Xe hoạt động trong nội bộ cảng, khu công nghiệp, sân bay.	1,7%	1,8%	2,0%	2,2%
2	Xe kinh doanh vận tải hành khách liên tỉnh	2,2%	2,4%	2,6%	2,8%
	Xe kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	1,8%	2,0%	2,2%	2,4%
3	Xe taxi,	2,9%	3,1%	3,3%	3,5%
	xe cho thuê tự lái	2,9%	3,1%	3,3%	3,5%
4	Xe kinh doanh chở người còn lại	1,8%	2,0%	2,2%	2,4%
	Xe chuyên dùng	1,8%	2,0%	2,2%	2,4%
	Xe cứu thương	1,8%	2,0%	2,2%	2,4%
	Xe chở tiền	1,8%	2,0%	2,2%	2,4%
	Xe kinh doanh công nghệ (như Grab)	2,2%	2,4%	2,6%	2,8%
III	Xe vừa chở người vừa chở hàng				
1	Xe bán tải (pick-up)	2,0%	2,2%	2,4%	2,6%
2	Xe vừa chở người vừa chở hàng còn lại	1,7%	1,8%	2,0%	2,2%

Tất cả các xe trên 15 năm không nhận bảo hiểm, ngoại trừ các trường hợp sau (tối đa không quá 20 năm):

- Xe thuộc cơ quan hành chính - sự nghiệp
- Số lượng tham gia bảo hiểm trên 10 xe
- Tỷ lệ phí áp dụng: tăng tối thiểu 10% so với phí chuẩn của xe cùng chủng loại có niên hạn từ 10 - 15 năm

Thời gian sử dụng xe là khoảng thời gian tính từ tháng đăng ký lần đầu tại Việt Nam đến tháng giao kết hợp đồng bảo hiểm. Đối với xe nhập khẩu đã qua sử dụng ở nước ngoài, thì thời gian sử dụng tính từ tháng một của năm sản xuất đến tháng giao kết hợp đồng bảo hiểm.

2. Phụ phí khi tham gia các điều khoản bảo hiểm bổ sung

ĐKBS/TUỔI XE	Dưới 3 năm	Từ 3 năm đến dưới 6 năm	Từ 6 năm đến dưới 10 năm	Từ 10 năm đến 15 năm
ĐKBS01-XCG_Thay thế mới	0%	+ 0,1%	+ 0,1%	+ 0,2%
Lưu ý:			Không nhận xe Taxi; xe buýt	Không nhận xe taxi; xe buýt; xe đầu kéo
ĐKBS02-XCG_Lựa chọn cơ sở sửa chữa	0%	+ 0,1%	+ 0,2%	Không bảo hiểm
Lưu ý: giá trị xe > 03 tỷ, xe xuất xứ Châu Âu	+ 0.1%	+ 0,2%	+ 0,3%	
ĐKBS03-XCG_Mất cắp bộ phận	+ 0,20%			
ĐKBS04-XCG_Thiệt hại động cơ do ngập nước	+ 0,1%	+ 0,1%	+ 0,1%	+ 0,2%
ĐKBS05-XCG_Thuê xe trong thời gian sửa chữa	600.000 đồng/xe/năm			
ĐKBS06-XCG_Ngoài lãnh thổ Việt Nam	+ 50% phí bảo hiểm cơ bản			
ĐKBS07-XCG_Lưu hành tạm thời	1,5% tính theo số ngày tham gia bảo hiểm			
ĐKBS08-XCG_Bảo hiểm vật chất đối với xe miễn thuế, tạm nhập, tái xuất	4% tính theo số ngày tham gia bảo hiểm			
ĐKBS09-XCG_Bảo hiểm xe ô tô và xe máy chuyên dùng	+ 0,1%			

3. Giảm phí khi tham gia mức miễn thường có khấu trừ

Mức miễn thường có khấu trừ (VNĐ)	Giảm Phí
1.000.000	10%
2.000.000	15%
3.000.000	20%
4.000.000	25%
5.000.000	30%